

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 23 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Nở
2. Ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 584/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Ngọc Phượng H**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn A, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã H, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hải Đ**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Ngọc Phượng H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hải Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2020, được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 197, ngày 24/12/2020.

Bà và ông Đ có 01 (một) con chung là Nguyễn Hoàng Trúc A, sinh ngày 24/6/2021. Quá trình chung sống, cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mỗi

người một quan điểm khác nhau, không thể hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân 02 năm, con chung ở với ông Đ. Nay cả hai không còn tìm được tiếng nói chung, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ.

Về con chung: Bà đề nghị giao con chung là Nguyễn Hoàng Trúc A, sinh ngày 24/6/2021 cho ông Nguyễn Hải Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Đăng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Hải Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc Phượng H. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc Phượng H được ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Trúc A, sinh ngày 24/6/2021 cho ông Nguyễn Hải Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trúc A trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà Võ Ngọc Phượng H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Ngọc Phượng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung khi ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ cư trú tại thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa; quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn”.

Nguyên đơn bà Võ Ngọc P Huyền vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hải Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bà Võ Ngọc Phượng H và ông Nguyễn Hải Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc Phượng H và ông Nguyễn Hải Đ tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 197 ngày 24/12/2020 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của bà H, quá trình chung sống, bà và ông Đ thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn. Hiện tại, bà và ông Đ đã sống ly thân 02 năm. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện ông Đ không có thiện chí đoàn tụ gia đình với bà H; bà H đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải và kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà H về việc giải quyết ly hôn với ông Đ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh và lời khai của bà H thể hiện bà H và ông Đ có 01 (một) con chung là Nguyễn Hoàng Trúc A, sinh ngày 24/6/2021. Bà H đề nghị Tòa án giao con chung cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại Bản tự khai ngày 15/8/2025 của bà Hoàng Thị Xuân D là mẹ của ông Đ, bà D cháu Trúc A đang sống cùng với bà và ông Đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện ông Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Trúc A. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung phát triển toàn diện và được sống ổn định nên giao cháu Nguyễn Hoàng Trúc A, sinh ngày 24/6/2021 cho ông Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ tháng 10/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Nguyên đơn bà Võ Ngọc Phượng H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Võ Ngọc Phượng H được ly hôn ông Nguyễn Hải Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Trúc A, sinh ngày 24/6/2021 cho ông Nguyễn Hải Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Võ Ngọc Phượng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Bà Võ Ngọc Phượng H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) kể từ tháng 10/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, bà H và ông Đ đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Ngọc Phượng H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Võ Ngọc Phượng H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004379 ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa). Bà H còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm (*Ba trăm nghìn đồng*).

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Ngọc Phượng H và ông Nguyễn Hải Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Phước Đồng (nay là phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa) (GCNKH số 197, ngày 24/12/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh